

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 4 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tín và bà Đỗ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

Đăng ký thường trú: Thôn H, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn G, xã L, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh M, sinh năm 1981.

Người đại diện theo pháp luật của anh Phạm Thanh M (do anh M đang điều trị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng F20.5): Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (mẹ đẻ của anh M); cùng địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Phiên toà vắng mặt: Chị H, anh M và bà L (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2025, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H; lời khai của bị đơn anh Phạm Thanh M và người đại diện theo pháp luật của anh Phạm Thanh M, cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ, thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh M lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn:

Theo chị Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi cưới, chị về chung sống với anh M tại nhà bố mẹ đẻ anh M ở thôn H, xã L, tỉnh Ninh Bình được khoảng 01 năm thì bố mẹ đẻ anh M mua đất cho vợ chồng chị làm nhà ra ở riêng. Chị và anh M chung sống hòa thuận đến tháng 4/2005 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị sinh và nuôi con nhỏ, chưa đi làm được. Anh M đi làm trên Hà Nội (đi đánh giày, chạy xe máy chở khách...) có tiền nhưng làm đến đâu chi tiêu riêng, rồi chơi điện tử, chơi đánh bạc hết đến đây, không trách nhiệm về kinh tế với vợ con. Chị đã góp ý nhiều nhưng anh M không thay đổi. Anh M còn nhiều lần cầm cổ xe máy để lấy tiền chơi đánh bạc. Chị và anh M mâu thuẫn càng tăng nhất là vào đầu năm 2016, khi chị mới sinh cháu Phạm An T. Nguyên nhân do anh M cầm cổ xe máy để lấy tiền đánh bạc. Khi chị góp ý thì anh M đánh, chửi chị. Chị không chịu đựng được phải đưa cháu T về sống nương nhờ bố mẹ đẻ chị. Chị và anh M sống ly thân từ đầu năm 2016 đến ngày 07/8/2018, cháu T không may bị tai nạn giao thông chết. Bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải, động viên, chị đã về chung sống đoàn tụ cùng anh M. Thời gian này, chị và anh M tiếp tục mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, do chị cần tiền để đưa anh M đi mổ, thay khớp háng ở Bệnh viện đa khoa tỉnh H. Trước đó, anh M đi làm tại lò sản xuất bánh mì của anh trai được 03 tháng nhưng anh M lại đưa tiền cho bố mẹ đẻ, không chịu đưa tiền cho chị. Hàng tháng, anh M có tiền trợ cấp dành cho người khuyết tật, cũng đưa hết cho bố mẹ đẻ anh M. Vườn hồng xiêm của vợ chồng chị bố mẹ anh M cũng bán, thu hết. Một mình chị phải đi làm, bỏ tiền ra chăm lo cho anh M và cả gia đình. Chị góp ý thì anh M lại đánh, chửi chị nên chị và anh M đã chính thức sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh M.

Do anh Phạm Thanh M bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng (F20.5) nên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hướng dẫn để nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh Phạm Thanh M làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố anh M là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để cử người giám hộ cho anh M. Nhưng bà L xác định anh M bị bệnh tâm thần nhưng ở thể nhẹ, anh M chỉ bị hạn chế về khả năng nhận thức. Việc chị H có đơn khởi kiện ly hôn, anh M vẫn nhận thức được và đồng ý ly hôn nên chị H và gia đình bà L đều từ chối không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh M là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; từ chối không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với anh M và không đồng ý để Tòa án đưa anh M đi giám định. Chị H và gia đình bà L đều thống nhất đề nghị Tòa án chỉ định bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ, đồng thời là người giám hộ của anh Phạm Thanh M tham gia tố tụng trong vụ án ly hôn này để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh M. Vì vậy, Tòa án đã ban hành Thông báo số 01/TB-TA ngày 14/01/2026 về việc bổ sung bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người giám hộ của anh Phạm Thanh M.

Anh Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị L - người đại diện theo pháp luật của anh M cho rằng: Anh M1 và chị Nguyễn Thị H chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do từ năm 2006 anh M1 bị phát bệnh tâm thần. Từ đó đến nay, anh M1 phải đi khám và điều trị ngoại trú bệnh tâm thần phân liệt (F20). Anh M1 bị hạn chế về khả

năng lao động, ít chăm lo được cho vợ con nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn. Chị H còn có những lời lẽ không hay xúc phạm anh M1 và vu cho anh M1 là hay đánh, chửi chị H. Thực tế anh M1 không hề đánh, chửi chị H nhưng chị H đã tự ý bỏ nhà đi. Anh M1 và chị H đã sống ly thân từ năm 2012. Đến năm 2018, con chung của anh M1 và chị H là cháu Phạm An T không may bị tai nạn chết. Gia đình đã hòa giải, động viên nhiều nên chị H đã về chung sống đoàn tụ cùng anh M1. Đến năm 2019, anh M1 lại không may phải đi mổ khớp háng bên trái. Chị H có vào Bệnh viện Đ1, tỉnh Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình) chăm sóc anh M1 được 01 ngày. Sau đó, anh M1 xuất viện về nhà được khoảng 20 ngày thì chị H tự bỏ nhà đi. Anh M1 và chị H đã chính thức sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Từ đó đến nay, gia đình anh M1 cũng đã gặp, hòa giải, động viên nhiều nhưng chị H không chịu về chung sống đoàn tụ cùng anh M1. Nay chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh M1 và bà L đồng ý để chị H và anh M1 được ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị H và anh M1 cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Phạm Tiên Đ, sinh năm 2004, hiện đang khỏe mạnh, đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập. Chị H và anh M1 không phải trách nhiệm nuôi dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Phạm An T, sinh ngày 19/4/2015, không may bị tai nạn giao thông chết ngày 07/8/2018.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị L đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh M. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Phạm Thanh M bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng (F20.5). Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 136 Bộ luật dân sự; Điều 88 Bộ luật tố tụng dân sự và theo đề nghị của các đương sự trong vụ án, Tòa án đã chỉ định bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của anh Phạm Thanh M) là người đại diện theo pháp luật của anh M tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh M là đúng quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh M là hợp pháp, được UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/10/2003. Quá trình chung sống, chị H và anh M xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H là do anh M đi làm có tiền nhưng không trách nhiệm kinh tế với vợ con; anh M còn cầm cố tài sản chung của vợ chồng để lấy tiền đánh bạc và còn đánh, chửi chị H. Chị H và anh M đã sống ly thân từ năm 2016, đến năm 2018 vợ chồng về chung sống đoàn tụ lại tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã chính thức sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh M1 và bà Nguyễn Thị L - là mẹ đẻ và là người đại diện theo pháp luật của anh M1 thì cho rằng chị H và anh M1 mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh M1 bị phát bệnh tâm thần phân liệt, bị hạn chế về khả năng lao động, ít chăm lo được cho vợ con nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2012. Đến năm 2018, vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và đã chính thức sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Như vậy, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên đương sự đưa ra là khác nhau, tuy nhiên chị H, anh M1 và bà L đều xác nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã chính thức sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị H khởi kiện ly hôn, anh M1 và bà L đều đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung của chị H và anh M1 là Phạm Tiến Đ, sinh năm 2004, hiện đang khỏe mạnh, đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập. Chị H và anh

M1 không phải trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 85, 88, 147, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 134 và Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh M.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0003631 ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Lý Nhân, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam